

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		239.547.693.708	219.742.743.784
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	32.795.704.693	36.681.524.642
111	1. Tiền		12.245.923.531	8.500.788.531
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.549.781.162	28.180.736.111
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		98.469.680.000	86.861.176.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(8.521.199.270)	(4.129.703.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	86.000.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.007.826.665	91.103.814.998
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	103.728.583.277	89.451.954.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	358.813.400	323.100.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.858.309.375	2.266.639.889
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(937.879.387)	(937.879.387)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho		1.273.065.350	734.065.118
141	1. Hàng tồn kho	9	1.273.065.350	734.065.118
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.417.000	4.362.163.026
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.417.000	4.362.163.026
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		145.877.887.400	157.805.694.208
210	I- Các khoản phải thu dài hạn			
220	II. Tài sản cố định		145.877.887.400	157.805.694.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	145.877.887.400	157.805.694.208
222	- Nguyên giá		261.422.858.499	261.392.368.499
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(115.544.971.099)	(103.586.674.291)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
230	III. Bất động sản đầu tư			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		385.425.581.108	377.548.437.992

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

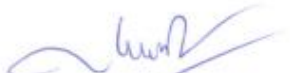
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		72.188.147.675	56.715.240.378
310	I. Nợ ngắn hạn		72.188.147.675	56.715.240.378
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	37.671.256.757	42.967.889.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	2.609.577.041	1.809.864.773
314	4. Phải trả người lao động		2.777.345.356	5.530.000.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	7.426.128.226	396.271.656
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	16.798.848.189	940.489.070
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.	473.856.678	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.	4.431.135.428	5.070.724.930
330	II. Nợ dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		313.237.433.433	320.833.197.614
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.	313.237.433.433	320.833.197.614
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	16.1	131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	16.1	53.070.783.332	53.070.783.332
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	16.1	117.000.238.488	114.353.432.657
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.1	11.863.899.725	22.308.815.933
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.365.794.272	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		10.498.105.453	21.111.576.519
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		262.511.888	60.165.692
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		385.425.581.108	377.548.437.992



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.1	53.206.120.920	49.717.562.541	97.952.008.772	92.450.223.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.206.120.920	49.717.562.541	97.952.008.772	92.450.223.077
11	4. Giá vốn hàng bán		39.951.659.496	41.388.587.534	76.842.169.650	73.691.273.121
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.254.461.424	8.328.975.007	21.109.839.122	18.758.949.956
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.491.740.115	3.649.484.029	3.372.862.051	3.690.730.901
22	7. Chi phí tài chính	18.	3.524.040.000		4.391.496.000	18.366.667
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					18.366.667
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.	3.895.624.088	3.606.857.023	6.805.904.247	7.892.780.116
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		8.326.537.451	8.371.602.013	13.285.300.926	14.538.534.074
31	12. Thu nhập khác	20.	45.513.636	399.323.911	45.513.636	1.007.448.711
32	13. Chi phí khác	20.	15.375.000	1.067.236.542	21.675.000	1.422.982.056
40	14. Lợi nhuận khác	20.	30.138.636	(667.912.631)	23.838.636	(415.533.345)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.356.676.087	7.703.689.382	13.309.139.562	14.123.000.729
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	1.718.195.218	1.494.697.117	2.708.687.913	2.778.559.386
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					346.802.783
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.638.480.869	6.208.992.265	10.600.451.649	10.997.638.560
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		6.586.020.862	6.209.982.085	10.498.105.453	10.998.628.380
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		52.460.007	(989.820)	102.346.196	(989.820)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.4	503	474	801	737
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018


Trần Thị Lý
Kế toán trưởngTrần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		13.309.139.562	14.123.000.729
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		11.958.296.808	6.185.937.516
03	- Các khoản dự phòng		4.865.352.678	2.109.193.683
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.372.862.051)	(3.690.730.901)
06	- Chi phí lãi vay			18.366.667
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.759.926.997	18.745.767.694
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.064.288.641)	4.752.317.833
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(539.000.232)	(139.656.402)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(53.463.491)	18.871.131.319
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước			
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả			(18.366.667)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.741.384.301)	(2.801.766.198)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.211.005.332)	(3.130.252.081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.150.785.000	36.279.175.498
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(254.467.000)	(74.711.290.188)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.000.000.000)	(37.138.263.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	69.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			1.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.117.862.051	5.801.318.401
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.136.604.949)	(35.548.235.676)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát		100.000.000	10.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			76.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(76.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.000.000	10.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.885.819.949)	740.939.822
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		36.681.524.642	89.130.478.094
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	32.795.704.693	89.871.417.916

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018

Trần Thị Lý
Kế toán trưởngTrần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- *Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức (“TTTĐ”)*
TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh (“GCNĐKKD”) số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư số 200) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (Thông tư số 202) ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.5 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và Công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và Công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	103.054.402	764.717.415
Tiền gửi ngân hàng	12.142.869.129	7.736.071.116
Các khoản tương đương tiền (*)	20.549.781.162	28.180.736.111
TỔNG CỘNG	32.795.704.693	36.681.524.642

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 4,8%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<u>20.990.879.270</u>	<u>12.469.680.000</u>	<u>20.990.879.270</u>	<u>22.228.560.000</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)

- Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Thủ Thiêm

- Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Sài Gòn

TỔNG CỘNG

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
15.000.000.000	15.000.000.000		
<u>71.000.000.000</u>	<u>71.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>
86.000.000.000	86.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,8% đến 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	83.850.100.070	72.613.382.370
Phải thu từ khách hàng khác	19.878.483.207	16.838.572.126
TỔNG CỘNG	103.728.583.277	89.451.954.496
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(937.879.387)	(937.879.387)
GIÁ TRỊ THUẦN	102.790.703.890	88.514.075.109

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đức Long Sài Gòn		250.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT	223.977.000	
Các nhà cung cấp khác	134.836.400	73.100.000
TỔNG CỘNG	358.813.400	323.100.000

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu	1.455.000.000	1.200.000.000
Phải thu khác	1.759.626.129	676.639.889
Tạm ứng	403.683.246	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	240.000.000	390.000.000
TỔNG CỘNG	3.858.309.375	2.266.639.889

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải đường thủy</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.439.850.094	255.672.878.477	3.279.639.928	261.392.368.499
Mua trong kỳ			30.490.000	30.490.000
Đầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Thanh lý				
Số cuối kỳ	<u>2.439.850.094</u>	<u>255.672.878.477</u>	<u>3.310.129.928</u>	<u>261.422.858.499</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.136.137.552	20.503.401.603	1.237.917.201	23.877.456.356
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.165.855.657)	(99.454.772.514)	(1.966.046.120)	(103.586.674.291)
Khấu hao trong kỳ	(30.432.870)	(11.758.473.882)	(169.390.056)	(11.958.296.808)
Tăng khác				
Thanh lý				
Số cuối kỳ	<u>(2.196.288.527)</u>	<u>(111.213.246.396)</u>	<u>(2.135.436.176)</u>	<u>(115.544.971.099)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>273.994.437</u>	<u>156.218.105.963</u>	<u>1.313.593.808</u>	<u>157.805.694.208</u>
Số cuối kỳ	<u>243.561.567</u>	<u>144.459.632.081</u>	<u>1.174.693.752</u>	<u>145.877.887.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	1.244.978.893	688.282.785
Công cụ, dụng cụ	28.086.457	45.782.333
TỔNG CỘNG	1.273.065.350	734.065.118

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	37.671.256.757	42.471.206.613
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	12.718.676.360	15.161.746.166
- Công ty TNHH SX TM Huy Hiền	5.945.000.000	5.945.000.000
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	2.214.297.453	4.606.193.145
- Phải trả đối tượng khác	16.793.282.944	16.758.267.302
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)		496.683.114
TỔNG CỘNG	37.671.256.757	42.967.889.727

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	844.382.915	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.718.195.218	1.750.891.606
Thuế thu nhập cá nhân	46.998.908	58.973.167
TỔNG CỘNG	2.609.577.041	1.809.864.773

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài	6.430.938.546	95.908.020
Chi phí khác	995.189.680	300.363.636
TỔNG CỘNG	7.426.128.226	396.271.656

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	120.001.114	193.266.094
Cổ tức phải trả	15.726.240.770	1.440.770
Các khoản phải trả, phải nộp khác	646.606.305	383.782.206
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	362.000.000
TỔNG CỘNG	16.798.848.189	940.489.070
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	8.924.014.989	940.489.070
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	7.874.833.200	-

14. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	453.387.428	
Trợ cấp thôi việc	20.469.250	
TỔNG CỘNG	473.856.678	-

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này	VND Năm trước
Số đầu năm	5.070.724.930	7.341.193.869
Trích lập quỹ trong kỳ	2.571.415.830	2.070.300.731
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.211.005.332)	(4.340.769.670)
Số cuối kỳ	4.431.135.428	5.070.724.930

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
6 tháng đầu năm 2017					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong kỳ				10.998.628.380	10.998.628.380
Cổ tức công bố				(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	12.195.867.794	310.660.083.783
6 tháng đầu năm 2018					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.308.815.933	320.773.031.922
Lợi nhuận thuần trong kỳ				10.498.105.453	10.498.105.453
Tặng khác				-	-
Cổ tức công bố				(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.646.805.831	(2.646.805.831)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				(2.571.415.830)	(2.571.415.830)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	11.863.899.725	312.974.921.545

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

16.2 Cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

16.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	6.586.020.862	6.209.982.085
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	6.586.020.862	6.209.982.085
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	503	474

17. DOANH THU	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
17.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu vận tải đường thủy	52.734.445.072	43.231.039.541
Doanh thu vận tải đường bộ	-	4.351.053.693
Doanh thu bốc dỡ	108.948.575	728.421.673
Doanh thu cho thuê kho	362.727.273	349.090.908
Doanh thu bán xi măng	-	1.057.956.726
TỔNG CỘNG	53.206.120.920	49.717.562.541
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	17.338.149.175	15.442.940.470
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.867.971.745	34.274.622.071

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.491.740.115	3.649.484.029
TỔNG CỘNG	2.491.740.115	3.649.484.029

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.524.040.000	-
TỔNG CỘNG	3.524.040.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.190.912	729.021.633
Chi phí nhân viên	1.538.408.431	1.682.468.360
Chi phí khấu hao tài sản	100.229.082	65.563.257
Chi phí khác	1.707.795.663	1.129.803.773
TỔNG CỘNG	3.895.624.088	3.606.857.023

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	45.513.636	399.323.911
Phạt vi phạm hợp đồng	-	363.630.360
Thu nhập khác	45.513.636	35.693.551
Chi phí khác	15.375.000	1.067.236.542
Chi phí khác	15.375.000	1.067.236.542
GIÁ TRỊ THUẦN	30.138.636	(667.912.631)

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.087.316.103	28.456.338.197
Chi phí nhân viên	8.011.382.917	8.969.767.730
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	5.356.557.919	3.270.587.610
Chi phí khấu hao tài sản	5.979.466.023	3.092.968.758
Chi phí khác	2.412.560.622	1.205.782.262
TỔNG CỘNG	43.847.283.584	44.995.444.557

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.718.195.218	1.494.697.117
TỔNG CỘNG	1.718.195.218	1.494.697.117

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.075.705.665	22.573.289.887
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	9.472.943.696
		Phí lưu bến Sà lan	-	363.630.360
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.502.147.040	2.228.388.488
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	290.119.040	

Tiền lương Tổng Giám đốc, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	86.000.000	126.000.000
Ban Kiểm soát	25.000.000	39.000.000
Tổng Giám đốc	128.830.000	174.000.000
	239.830.000	339.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	78.699.131.451	65.003.923.021
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	680.257.167

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2018

Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.938.331.755	6.274.557.510
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	212.636.864	654.644.672
			83.850.100.070	72.613.382.370


Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu quản lý, tư vấn	-	496.683.114
		Cổ tức phải trả	7.874.833.200	-
			7.874.833.200	496.683.114

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.401.193.280	1.561.193.280
Từ 1 đến 5 năm	551.093.840	1.171.690.480
TỔNG CỘNG	1.952.287.120	2.732.883.760

 Võ Thị Ngọc Diễm Người lập Ngày 17 tháng 07 năm 2018	 Trần Thị Lý Kế toán trưởng	 Trần Văn Quỳnh Tổng Giám đốc
---	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		225.958.905.022	206.538.411.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	19.208.333.007	23.477.589.455
111	1. Tiền		12.208.333.007	8.477.589.455
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		98.469.680.000	86.861.176.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(8.521.199.270)	(4.129.703.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	86.000.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.007.826.665	91.103.814.998
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	103.728.583.277	89.451.954.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	358.813.400	323.100.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.858.309.375	2.266.639.889
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(937.879.387)	(937.879.387)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho		1.273.065.350	734.065.118
141	1. Hàng tồn kho	9	1.273.065.350	734.065.118
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			4.361.766.026
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			4.361.766.026
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		158.877.887.400	170.805.694.208
210	I- Các khoản phải thu dài hạn			
220	II. Tài sản cố định		145.877.887.400	157.805.694.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	145.877.887.400	157.805.694.208
222	- Nguyên giá		261.422.858.499	261.392.368.499
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(115.544.971.099)	(103.586.674.291)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
230	III. Bất động sản đầu tư			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.3	13.000.000.000	13.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		13.000.000.000	13.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		384.836.792.422	377.344.105.805

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		72.145.107.241	56.664.238.741
310	I. Nợ ngắn hạn		72.145.107.241	56.664.238.741
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	37.671.256.757	42.967.889.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	2.572.105.607	1.774.032.136
314	4. Phải trả người lao động		2.777.345.356	5.530.000.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	7.426.128.226	386.271.656
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	16.793.279.189	935.320.070
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.	473.856.678	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.	4.431.135.428	5.070.724.930
330	II. Nợ dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		312.691.685.181	320.679.867.064
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.	312.691.685.181	320.679.867.064
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		117.000.238.488	114.353.432.657
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.580.663.361	22.215.651.075
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.272.629.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		10.308.033.947	21.018.411.661
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		384.836.792.422	377.344.105.805



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.1	53.206.120.920	49.717.562.541	97.952.008.772	92.450.223.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.206.120.920	49.717.562.541	97.952.008.772	92.450.223.077
11	4. Giá vốn hàng bán		39.951.659.496	41.388.587.534	76.842.169.650	73.691.273.121
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.254.461.424	8.328.975.007	21.109.839.122	18.758.949.956
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.303.892.947	3.645.022.087	3.003.739.923	3.686.268.959
22	7. Chi phí tài chính	18.	3.524.040.000		4.391.496.000	18.366.667
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					18.366.667
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.	3.895.134.088	3.599.567.023	6.802.304.247	7.885.490.116
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		8.139.180.283	8.374.430.071	12.919.778.798	14.541.362.132
31	11. Thu nhập khác	20.	45.513.636	399.323.911	45.513.636	1.007.448.711
32	12. Chi phí khác	20.	15.375.000	1.067.236.542	21.675.000	1.422.982.056
40	13. Lợi nhuận khác	20.	30.138.636	(667.912.631)	23.838.636	(415.533.345)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.169.318.919	7.706.517.440	12.943.617.434	14.125.828.787
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	1.680.723.784	1.494.697.117	2.635.583.487	2.778.559.386
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					346.802.783
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.488.595.135	6.211.820.323	10.308.033.947	11.000.466.618
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018


Trần Thị Lý
Kế toán trưởng


Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		12.943.617.434	14.125.828.787
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		11.958.296.808	6.185.937.516
03	- Các khoản dự phòng		4.865.352.678	2.109.193.683
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.003.739.923)	(3.686.268.959)
06	- Chi phí lãi vay			18.366.667
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.763.526.997	18.753.057.694
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.063.268.641)	7.915.134.784
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(539.000.232)	(139.656.402)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(43.863.491)	15.703.524.368
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước			
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả			(18.366.667)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.669.918.672)	(2.801.766.198)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.211.005.332)	(3.130.252.081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.236.470.629	36.281.675.498
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(254.467.000)	(74.711.290.188)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.000.000.000)	(37.138.263.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	69.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			1.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.748.739.923	5.796.856.459
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.505.727.077)	(35.552.697.618)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo phương pháp gián tiếp) Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			76.000.000.000
34	4.Tiền chi trả nợ gốc vay			(76.000.000.000)
35	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.269.256.448)	728.977.880
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.477.589.455	89.130.478.094
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	19.208.333.007	89.859.455.974



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2018



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức (“TTTTĐ”) TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh (“GCNĐKKD”) số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2018

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2018

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 **Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 **Các khoản đầu tư**

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế từ công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2018

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2018

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	103.054.402	764.717.415
Tiền gửi ngân hàng	12.105.278.605	7.712.872.040
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	19.208.333.007	23.477.589.455

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 4,8%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
20.990.879.270	12.469.680.000	20.990.879.270	16.861.176.000

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)

- Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Thủ Thiêm

- Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Sài Gòn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
15.000.000.000	15.000.000.000		
71.000.000.000	71.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
86.000.000.000	86.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,8% đến 7%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
65	13.000.000.000	65	13.000.000.000
	13.000.000.000		13.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2018

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	83.850.100.070	72.613.382.370
Phải thu từ khách hàng khác	19.878.483.207	16.838.572.126
TỔNG CỘNG	103.728.583.277	89.451.954.496
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(937.879.387)	(937.879.387)
GIÁ TRỊ THUẦN	102.790.703.890	88.514.075.109
6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		
		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đức Long Sài Gòn		250.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT	223.977.000	
Các nhà cung cấp khác	134.836.400	73.100.000
TỔNG CỘNG	358.813.400	323.100.000
7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu	1.455.000.000	1.200.000.000
Phải thu khác	1.759.626.129	676.639.889
Tạm ứng	403.683.246	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	240.000.000	390.000.000
TỔNG CỘNG	3.858.309.375	2.266.639.889
Trong đó:		
<i>Phải thu từ bên thứ ba</i>	3.858.309.375	2.266.639.889

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2018**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải đường thủy</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.439.850.094	255.672.878.477	3.279.639.928	261.392.368.499
Mua trong kỳ			30.490.000	30.490.000
Đầu tư XD CB hoàn thành				-
Tặng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	2.439.850.094	255.672.878.477	3.310.129.928	261.422.858.499
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.136.137.552	20.503.401.603	1.237.917.201	23.877.456.356
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.165.855.657)	(99.454.772.514)	(1.966.046.120)	(103.586.674.291)
Khấu hao trong kỳ	(30.432.870)	(11.758.473.882)	(169.390.056)	(11.958.296.808)
Tặng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	(2.196.288.527)	(111.213.246.396)	(2.135.436.176)	(115.544.971.099)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	273.994.437	156.218.105.963	1.313.593.808	157.805.694.208
Số cuối kỳ	243.561.567	144.459.632.081	1.174.693.752	145.877.887.400

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	1.244.978.893	688.282.785
Công cụ, dụng cụ	28.086.457	45.782.333
TỔNG CỘNG	1.273.065.350	734.065.118

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	37.671.256.757	42.471.206.613
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	12.718.676.360	15.161.746.166
- Công ty TNHH SX TM Huy Hiến	5.945.000.000	5.945.000.000
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	2.214.297.453	4.606.193.145
- Phải trả đối tượng khác	16.793.282.944	16.758.267.302
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)		496.683.114
TỔNG CỘNG	37.671.256.757	42.967.889.727

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	844.382.915	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.680.723.784	1.715.058.969
Thuế thu nhập cá nhân	46.998.908	58.973.167
TỔNG CỘNG	2.572.105.607	1.774.032.136

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài	6.430.938.546	95.908.020
Chi phí khác	995.189.680	290.363.636
TỔNG CỘNG	7.426.128.226	386.271.656

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	120.001.114	193.266.094
Cổ tức phải trả	15.726.240.770	1.440.770
Các khoản phải trả, phải nộp khác	641.037.305	378.613.206
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	362.000.000
TỔNG CỘNG	16.793.279.189	935.320.070
Trong đó:		
Phải trả bên khác	8.918.445.989	935.320.070
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	7.874.833.200	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

14. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	453.387.428	
Trợ cấp thôi việc	20.469.250	
TỔNG CỘNG	473.856.678	-

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.070.724.930	7.341.193.869
Trích lập quỹ trong kỳ	2.571.415.830	2.070.300.731
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.211.005.332)	(4.340.769.670)
Số cuối kỳ	4.431.135.428	5.070.724.930

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
6 tháng đầu năm 2017					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong kỳ				11.000.466.618	11.000.466.618
Cổ tức công bố				(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	12.197.706.032	310.661.922.021
6 tháng đầu năm 2018					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ				10.308.033.947	10.308.033.947
Cổ tức công bố				(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.646.805.831	(2.646.805.831)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				(2.571.415.830)	(2.571.415.830)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	11.580.663.361	312.691.685.181

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

16.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

16.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	15.724.800.000	15.724.800.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	0	0

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải đường thủy	52.734.445.072	43.231.039.541
Doanh thu vận tải đường bộ		4.351.053.693
Doanh thu bốc dỡ	108.948.575	728.421.673
Doanh thu cho thuê kho	362.727.273	349.090.908
Doanh thu bán xi măng		1.057.956.726
TỔNG CỘNG	53.206.120.920	49.717.562.541
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	17.338.149.175	15.442.940.470
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.867.971.745	34.274.622.071

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.303.892.947	3.645.022.087
TỔNG CỘNG	2.303.892.947	3.645.022.087

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.524.040.000	
TỔNG CỘNG	3.524.040.000	0

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.190.912	721.731.633
Chi phí nhân viên	1.538.408.431	1.682.468.360
Chi phí khấu hao tài sản	100.229.082	65.563.257
Chi phí khác	1.707.305.663	1.129.803.773
TỔNG CỘNG	3.895.134.088	3.599.567.023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	45.513.636	399.323.911
Phạt vi phạm hợp đồng		363.630.360
Thu nhập khác	45.513.636	35.693.551
Chi phí khác	15.375.000	1.067.236.542
Chi phí khác	15.375.000	1.067.236.542
GIÁ TRỊ THUẦN	30.138.636	(667.912.631)

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.087.316.103	28.449.048.197
Chi phí nhân viên	8.011.382.917	8.969.767.730
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	5.356.557.919	3.270.587.610
Chi phí khấu hao tài sản	5.979.466.023	3.092.968.758
Chi phí khác	2.412.070.622	1.205.782.262
TỔNG CỘNG	43.846.793.584	44.988.154.557

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.680.723.784	1.494.697.117
TỔNG CỘNG	1.680.723.784	1.494.697.117

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2018

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.075.705.665	22.573.289.887
CN Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1- XN tiêu thụ và dịch vụ	Bên liên quan	Mua hàng hóa		1.032.361.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển		9.472.943.696
		Phí lưu bến Sà lan		363.630.360
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.502.147.040	2.228.388.488
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	290.119.040	

Tiền lương Tổng Giám đốc, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	86.000.000	126.000.000
Ban Kiểm soát	25.000.000	39.000.000
Tổng Giám đốc	128.830.000	174.000.000
	239.830.000	339.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 2 năm 2018

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	78.699.131.451	65.003.923.021
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển		680.257.167
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.938.331.755	6.274.557.510
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	212.636.864	654.644.672
			83.850.100.070	72.613.382.370

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu quản lý, tư vấn		496.683.114
		Cổ tức phải trả	7.874.833.200	
			7.874.833.200	496.683.114



24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.401.193.280	1.561.193.280
Từ 1 đến 5 năm	551.093.840	1.171.690.480
TỔNG CỘNG	1.952.287.120	2.732.883.760

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

 Võ Thị Ngọc Diễm Người lập	 Trần Thị Lý Kế toán trưởng	 Trần Văn Quỳnh Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 07 năm 2018		